

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **12 /2019/HC-PT**

Ngày: 23-01-2019

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực đất đai*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Trường

Các Thẩm phán:

Ông Võ Ngọc Thông

Bà Lê Thúy Cầu

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hải An – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông Đặng Thọ Định – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào ngày 23 tháng 01 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 233/2018/TLPT-HC ngày 03-10-2018 về: “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 11/2018/HC-ST ngày 31-7-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2331/2019/QĐ-PT ngày 08 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

*** *Người khởi kiện:*** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1946; Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện T1, tỉnh Quảng Ngãi (có mặt).

*** *Người bị kiện:***

- Ủy ban nhân dân huyện T1, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Trung Th - Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T1, tỉnh Quảng Ngãi (có đơn vắng mặt).

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T1, tỉnh Quảng Ngãi.

Cùng địa chỉ: Thị trấn L, huyện T1, tỉnh Quảng Ngãi (có đơn vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND huyện T1:
Ông **Võ Thái Tr** - Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T1, tỉnh Quảng Ngãi (có đơn vắng mặt).

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ủy ban nhân dân tỉnh **Quảng Ngãi**; Địa chỉ: số 52 đường H, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Trần Ngọc C** – Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (có đơn vắng mặt).

- Bà **Nguyễn Thị C1**, sinh năm 1962; Trú tại: Tổ 15, phường Q1, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (có đơn vắng mặt).

- Ông **Nguyễn L1** - Đại diện họ tộc Nguyễn P Thôn Đ, xã N. (Văn bản ủy quyền ngày 18-01-2018); Địa chỉ: Tổ 17, phường T2, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (có đơn vắng mặt).

- Bà **Nguyễn Thị N1**, sinh năm 1971; Địa chỉ: Xóm 1A, thôn P1, xã HT, huyện N2, tỉnh Quảng Ngãi. (vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền: Bà **Võ Thị Thanh T3**; địa chỉ: số 63 đường P2, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (theo văn bản ủy quyền ngày 13-11-2018) (có mặt).

- Ông **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1974 (có mặt);

- Cháu **Nguyễn Ngọc L2**, sinh ngày 09-10-2000;

Người đại diện hợp pháp của cháu L2: Ông **Nguyễn Văn S** và bà **Phan Thị Minh M** (cha mẹ ruột của cháu L2); Địa chỉ: Đội 3, Thôn Đ, xã N, huyện T1, tỉnh Quảng Ngãi (ông S có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện bà Nguyễn Thị T trình bày:

Nguyên thừa đất số 109, diện tích 1.800m² tại Thôn Đ, xã N là di sản của ông bà để lại cho ông cố của bà là ông Nguyễn C2 quản lý, sử dụng.

Sau khi ông cố chết thì ông nội bà là Nguyễn T4 (ông T4 cha) tiếp tục sử dụng, đến đời cha mẹ bà là ông Nguyễn T4 (ông T4 con), bà Phạm Thị C3 sử dụng hết đời, nay đến đời bà và em gái bà là Nguyễn Thị C1 sử dụng. Sau khi cha mẹ chết, đến ngày 04-6-1996 chị em bà sửa lại nhà thì ông Nguyễn L1, đại diện tộc họ Nguyễn phát sinh tranh chấp cho rằng đất của tộc họ Nguyễn không được xây nhà. Bà làm đơn yêu cầu địa phương hòa giải nhưng không thành, sau đó được Chủ tịch UBND huyện T1 giải quyết tại Quyết định số 536/QĐ-UBND

ngày 16-12-1997 bác đơn của tộc họ Nguyễn và công nhận quyền sử dụng đất cho bà.

Trong quá trình quản lý, sử dụng mẹ bà là người đăng ký kê khai theo Chỉ thị 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ, có tên trong sổ mục kê ruộng đất quyền số 1, trang 41, dòng thứ 22, lập ngày 08-12-1987 và được UBND huyện T1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 20718/QSDĐ/479H ngày 04-12-2000 cho hộ bà là đúng pháp luật. Năm 2007 ông L1 có đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Công văn số 1388/UBND-NC ngày 14-5-2007 xử lý nội dung liên quan đến khiếu nại của tộc họ Nguyễn không đúng pháp luật.

Việc tộc họ Nguyễn cung cấp tờ Bằng năm Khải Định thứ 8 (1928) để làm căn cứ khiếu nại là không có cơ sở vì nội dung tờ bằng không thể hiện diện tích, số thửa, tờ bản đồ, chỉ ghi nhớ các ngày cúng giỗ để con cháu mai sau biết. Mặt khác, về nguồn gốc đất gia đình bà quản lý, sử dụng liên tục từ 4 đời nay thì coi như quyền sử dụng đất này là chiếm hữu ngay tình theo Điều 126 Bộ luật dân sự.

Nay bà yêu cầu Tòa án hủy:

Quyết định số 3008/QĐ-UBND ngày 16-6-2017 của Chủ tịch UBND huyện T1 về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị C1 ở Thôn Đ, xã N, huyện T1.

Quyết định số 874/QĐ-UBND ngày 23-5-2013 của Chủ tịch UBND huyện T1 về việc hủy bỏ Quyết định số 536/QĐ-UBND ngày 16-12-1997 về việc giải quyết khiếu nại tranh chấp đất giữa bà Nguyễn Thị T với tộc họ Nguyễn ở Thôn Đ, xã N, huyện T1.

Quyết định số 875/QĐ-UBND ngày 23-5-2013 của UBND huyện T1 về việc thu hồi và hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Nguyễn Thị T ở Thôn Đ, xã N, huyện T1.

Công văn số 1388/UBND-NC ngày 14-5-2007 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc xử lý nội dung liên quan đến khiếu nại của tộc họ Nguyễn, ở Thôn Đ, xã N.

Ý kiến trình bày của bà Nguyễn Thị C1; ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị N1 như lời trình bày trên của bà Nguyễn Thị T.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND huyện T1 và trong quá trình giải quyết vụ án UBND huyện T1 trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 109, diện tích 1.800m², tờ bản đồ số 6 (bản đồ năm

1993) xã N do ông bà để lại cho ông Nguyễn C2 (ông C2 là ông cố của chị em bà Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị C1). Sau khi ông C2 chết để lại cho con trai là ông Nguyễn T4 (ông T4 là ông nội của chị em bà Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị C1). Sau khi ông T4 chết để lại cho ông Nguyễn T4 (con) và vợ là Phạm Thị C3 (ông T4 con, bà C3 là cha, mẹ đẻ của chị em bà Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị C1) tiếp tục quản lý, sử dụng. Vợ chồng ông T4 (con), bà C3 không có con trai, chỉ có hai người con gái là bà T và bà C1. Năm 1970 ông T4 (con) chết, bà C3 và chị em bà T, bà C1 sống cùng bà C3 trên thửa đất này. Khi vợ chồng ông T4 (con), bà C3 quản lý, sử dụng thì trên thửa đất này chỉ có ngôi nhà của vợ chồng ông T4 (con), bà C3, không có nhà Từ Đường của tộc họ Nguyễn hoặc nhà thờ tộc họ Nguyễn trên thửa đất này. Năm 1996 nhà của vợ chồng ông T4 (con), bà C3 sụp đổ thì bà T là người trực tiếp xây dựng lại ngôi nhà như hiện nay gia đình bà T đang ở. Trong quá trình làm lại nhà mới thì tộc họ Nguyễn phát sinh tranh chấp cho rằng đất này của tộc họ Nguyễn để lại. Việc tranh chấp đã được UBND xã N, huyện T1 tổ chức hòa giải nhiều lần nhưng không thành nên chuyển toàn bộ hồ sơ tranh chấp đến UBND huyện T1 giải quyết. Tại Quyết định số 536/QĐ-UB ngày 16-12-1997 của UBND huyện T1 giải quyết: *“Không thừa nhận việc đòi, phân chia QSDĐ của tộc họ Nguyễn trên diện tích đất vườn của bà Nguyễn Thị T đang quản lý sử dụng thuộc số thửa 109/1800, tờ bản đồ số 6/6 xã N. Công nhận QSD đất vườn ở số hiệu 109/1800 bà Nguyễn Thị T đang quản lý, sử dụng làm nhà ở để thờ cúng ông, bà, cha mẹ là hợp pháp”*. Đến năm 2000, bà Nguyễn Thị T được Hội đồng xét cấp đất của xã xét và đề nghị UBND huyện T1 cấp Giấy chứng nhận QSDĐ cho bà T thuộc thửa đất số 109, diện tích 1800m², tờ bản đồ số 6 (Số vào sổ 02718/QSDĐ/479-H cấp ngày 04-12-2000).

Cũng trong thời gian này, các ông trong tộc họ Nguyễn (ủy quyền cho ông Nguyễn L1 là đại diện) tiếp tục phát sinh đơn khiếu nại gửi đến UBND tỉnh Quảng Ngãi. Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi giao cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi thẩm tra, xác minh, tham mưu cho UBND tỉnh giải quyết thì tộc họ Nguyễn cung cấp tờ Bằng viết bằng chữ Hán, lập ngày 01 tháng 8 năm Khải Định (tức năm 1924), được Trung tâm dịch thuật tỉnh Quảng Ngãi dịch từ tiếng Hán sang tiếng Việt vào ngày 09-01-2007 có nội dung: Diện tích đất này do 04 anh em gồm các ông Nguyễn C2 (đích tôn); Nguyễn M1; Nguyễn Ch và Nguyễn B cùng thống nhất lập tờ Bằng giao cho ông Nguyễn C2 giữ (ông C2 là ông cố của chị em bà T, bà C1); Mục đích sử dụng để xây dựng nhà thờ,

canh tác thu hoa lợi hương khói ông bà tộc Nguyễn.

Ngày 14-5-2007, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi có Công văn số 1388/UBND-NC về việc xử lý nội dung liên quan đến khiếu nại của tộc họ Nguyễn ở Thôn Đ, xã N chỉ đạo UBND huyện T1 thực hiện 03 nội dung sau:

Thu hồi giấy chứng nhận QSD đất số 02718/QSDĐ/479-H ngày 04-12-2000 mà UBND huyện T1 đã cấp cho bà Nguyễn Thị T;

Ban hành văn bản hủy Quyết định số 536/QĐ-UBND ngày 16-12-1997 của UBND huyện T1 về việc giải quyết khiếu nại tranh chấp đất giữa bà Nguyễn Thị T với tộc họ Nguyễn vì giải quyết chưa đúng pháp luật;

Quyết định công nhận cho tộc họ Nguyễn (do ông Nguyễn L1 đại diện) được sử dụng 300m² đất thuộc thửa đất số 109, tờ bản đồ số 6 lập năm 1993, xã N; phần diện tích đất còn lại của thửa 109 công nhận cho bà Nguyễn Thị T sử dụng. Nhưng, trước khi ra quyết định công nhận quyền sử dụng đất cho tộc họ Nguyễn và bà Nguyễn Thị T thì UBND huyện T1 phải tiến hành đo đạc hiện trạng của thửa đất hiện nay và xử lý theo hướng sau: Công nhận cho tộc họ Nguyễn 300m² đất có vị trí ở phía Tây nhà của bà T; trường hợp vị trí đất này vướng vào các công trình xây dựng của bà T thì công nhận 300m² đất có vị trí ở phía Đông của nhà bà T cho tộc họ Nguyễn. Tộc họ Nguyễn phải có trách nhiệm bồi thường hoa màu, cây lâu năm cho bà Nguyễn Thị T (nếu có).

Quá trình thực hiện theo chỉ đạo của Công văn trên thì chị em bà T, bà C1 cản trở quyết liệt, không đồng ý với nội dung Công văn 1388/UBND-NC, không cho đo đạc để xác định vị trí đất, không đồng ý cắt cho tộc họ Nguyễn 300m² đất.

Ngày 23-5-2013, UBND huyện T1 đã ban hành Quyết định số 874/QĐ-UBND về việc hủy bỏ Quyết định số 536/QĐ-UBND ngày 16-12-1997 về giải quyết khiếu nại giữa tộc họ Nguyễn với bà Nguyễn Thị T, lý do: UBND huyện chưa giải quyết đúng theo trình tự, thủ tục quy định của pháp luật; đồng thời UBND huyện T1 ban hành Quyết định số 875/QĐ-UBND cùng ngày 23-5-2013 về việc thu hồi và hủy bỏ Giấy chứng nhận QSD đất số 02718/QSDĐ/479-H ngày 04-12-2000 đã cấp cho bà T tại thửa đất số 109, diện tích 1.800m² ở Thôn Đ, xã N.

Sau khi ban hành hai Quyết định trên, ngày 03-6-2013 bà Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị C1 làm đơn khiếu nại cho rằng hai quyết định trên trái pháp luật, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị em bà. Ngày 13-6-2017 Chủ tịch UBND huyện T1 ban hành Quyết định số 3008/QĐ-UBND về

việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị C1 đã bác nội dung khiếu nại của bà Nguyễn Thị T đối với Quyết định số 874/QĐ-UBND ngày 23-5-2013 về việc hủy bỏ Quyết định số 536/QĐ-UBND ngày 16-12-1997 về giải quyết khiếu nại tranh chấp đất giữa bà Nguyễn Thị T với tộc họ Nguyễn ở Thôn Đ, xã N; Quyết định số 875/QĐ-UBND ngày 23-5-2013 của UBND huyện T1 về việc thu hồi và hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Nguyễn Thị T.

Lý do bác khiếu nại: UBND huyện T1 thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi tại Công văn số 1388/UBND-NC ngày 14-5-2007 và xem xét hồ sơ chứng cứ ban đầu cho thấy, UBND huyện T1 giải quyết vụ việc chưa đảm bảo trình tự, thủ tục của pháp luật nên việc ban hành Quyết định số 536/QĐ-UBND ngày 16-12-1997 và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02718/QSDĐ/479-H ngày 04-12-2000 cho bà T tại thửa đất số 109, diện tích 1.800m² ở Thôn Đ, xã N là chưa đúng. Do đó cần phải thu hồi theo quy định của pháp luật.

Nay UBND huyện T1 đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi trình bày:

Theo tờ Bằng do tộc họ Nguyễn cung cấp (đã được dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt) thì vào năm Khải Định thứ 8 (năm 1924), 04 anh em một là ông Nguyễn C2 (đích tôn), ông Nguyễn M1, ông Nguyễn Ch và ông Nguyễn B cùng thống nhất lập tờ Bằng, trong đó thừa vườn do cha mẹ các ông là Nguyễn Th1 và bà Bùi Thị Ph1 để lại được làm vườn thờ tự; đồng thời ngôi nhà ba gian và một số vật dụng khác được giao cho ông Nguyễn C2 giữ (ông C2 là ông cố bà Nguyễn Thị T). Từ đó, thửa vườn này được lưu truyền cho các trưởng nam (đích tôn) trong họ sử dụng vào mục đích xây dựng nhà thờ và canh tác thu hoa lợi để hương khói cho ông bà trong tộc họ Nguyễn. Đến đời ông Nguyễn T4 (cha bà T) chỉ sinh 02 người con gái là bà Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị C1, không có con trai. Sau khi ông T4 chết (năm 1970) thì mẹ bà T là bà Phạm Thị C3 tiếp tục quản lý, sử dụng. Năm 1994, bà Phạm Thị C3 đau nặng không có tiền chữa bệnh. Ngày 29-9-1994, bà C3 có giấy xin tộc họ Nguyễn 01 sào đất để chuyển nhượng lấy tiền chữa bệnh, diện tích còn lại nếu bà còn sống thì làm ăn, khi bà qua đời thì giao lại cho tộc họ (người viết giấy này là bà Nguyễn Thị C1; bà C1 đã thừa nhận tại biên bản làm việc ngày 28-5-1998 của Sở Địa chính, nay là Sở Tài nguyên và Môi trường). Đại diện tộc họ Nguyễn gồm các ông: Nguyễn Th2,

Nguyễn D1, Nguyễn G, Nguyễn D2, Nguyễn H2, Nguyễn C4 và Nguyễn Ph2 đã ký thống nhất cắt cho bà C3 01 sào đất về phía Tây thửa vườn, nhưng bà Phạm Thị C3 chưa chuyển nhượng thì đã qua đời vào năm 1995.

Sau khi bà Phạm Thị C3 chết thì bà Nguyễn Thị T chuyển về ở và sử dụng thửa vườn này. Năm 1996 bà T làm lại nhà mới thì tộc họ Nguyễn ngăn cản không cho xây dựng và yêu cầu bà T phải trả lại cho tộc họ 02 sào đất theo giấy thỏa thuận xin bán đất ngày 29-9-1994, đồng thời tộc họ Nguyễn gửi đơn đến UBND xã N giải quyết. Tại biên bản họp giải quyết tranh chấp đất của UBND xã N vào ngày 04-6-1996 đã hòa giải: *“về phần diện tích 01 sào đất tộc họ đã thống nhất cho bà C3 vào năm 1994, nay bà T được thừa kế để xây dựng nhà thờ cha, mẹ bà; Phần diện tích 02 sào còn lại vẫn cho bà T tiếp tục sử dụng để đóng góp tiền lo hương khói và giỗ chạp ông bà tộc họ đồng thời, trên diện tích này bà T phải có trách nhiệm xây 01 nhà thờ tộc họ với diện tích là 30m², thời gian tiến hành xây vào tháng 8 năm 1996 (âm lịch)”*.

Sau khi UBND xã N hòa giải, bà T không thực hiện mà khiếu nại đến UBND huyện T1 yêu cầu giải quyết. Ngày 16-12-1997, UBND huyện T1 ban hành Quyết định số 536/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị T và tộc họ Nguyễn: *“Không thừa nhận việc đòi phân chia đất của tộc họ Nguyễn; Công nhận quyền sử dụng đất vườn ở số hiệu 109/1800m² bà Nguyễn Thị T đang quản lý, sử dụng làm nhà ở, thờ ông bà, cha mẹ là hợp pháp”*. Sau khi UBND huyện T1 giải quyết thì bà T xây dựng nhà hoàn thành như hiện nay, còn tộc họ Nguyễn tiếp tục khiếu nại lên UBND tỉnh Quảng Ngãi.

Trong khi khiếu nại của tộc họ Nguyễn chưa được cơ quan có thẩm quyền giải quyết, thì vào ngày 16-9-1999 bà Nguyễn Thị T làm đơn xin đăng ký quyền sử dụng thửa đất 109, tờ bản đồ số 6 xã N (bản đồ năm 1993) với diện tích 1.800m². UBND huyện T1 đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị T số 02718/QSĐĐ/479-H ngày 04-12-2000 tại thửa đất số 109, diện tích 1.800m² ở Thôn Đ, xã N.

Cơ sở Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Công văn số 1388/UBND-NC ngày 14-5-2007:

Sau khi UBND huyện T1 ban hành Quyết định số 536/QĐ-UBND ngày 16-12-1997 giải quyết vụ việc, ngày 06-01-1998 đại diện tộc họ Nguyễn đã làm đơn khiếu nại nhưng chưa được thụ lý, giải quyết. Ngày 10-5-2005 đại diện tộc họ Nguyễn tiếp tục có đơn khiếu nại, nên Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi

ban hành Công văn số 1390/UBND-NC ngày 25-5-2006 giao nhiệm vụ cho Sở Tài nguyên và Môi trường xác minh, xem xét tham mưu cho UBND tỉnh Quảng Ngãi xử lý đơn khiếu nại trên. Qua Báo cáo số 1361/BC-TNMT ngày 29-6-2006 và Báo cáo bổ sung số 1609/BC-TNMT ngày 11-10-2006 cho thấy: Trước khi ban hành quyết định giải quyết khiếu nại, Chủ tịch UBND huyện T1 chưa làm rõ nguồn gốc và quá trình diễn biến sử dụng đất tranh chấp, cũng như chưa phản ánh hết nội dung biên bản hòa giải ngày 04-6-1996 của UBND xã N, nên việc giải quyết tại Quyết định số 536/QĐ-UBND ngày 16-12-1997, trong đó công nhận toàn bộ thửa đất số 109, tờ bản đồ số 6 cho bà Nguyễn Thị T là chưa đúng với pháp luật về đất đai. Hơn nữa trong khi tộc họ Nguyễn đang gửi đơn khiếu nại, chưa được giải quyết thì UBND huyện T1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị T là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 04/2000/NĐ-CP ngày 11-02-2000 của Chính phủ. Do đó, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi đã chỉ đạo UBND huyện T1 phải thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02718/ QSDĐ/479-H ngày 04-12-2000 đã cấp cho bà Nguyễn Thị T; đồng thời ban hành văn bản hủy Quyết định số 536/QĐ-UBND ngày 16- 12-1997 của Chủ tịch UBND huyện T1 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Ý kiến trình bày của ông Nguyễn L1 - Đại diện theo ủy quyền của tộc họ Nguyễn Thôn Đ, xã N, huyện T1, tỉnh Quảng Ngãi:

Cụ Nguyễn P có 04 người con gồm: Nguyễn C2, Nguyễn M1, Nguyễn Ch và Nguyễn B. Ông Nguyễn C2 sinh ra Nguyễn T4 (gọi là ông T4 cha). Ông T4 (cha) sinh ra ông Nguyễn T4 (con). Ông T4 (con) và bà Phạm Thị C3 sinh ra bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị C1.

Thửa đất số 86, diện tích 1.800m², tờ bản đồ số 2 xã N (bản đồ năm 1988) có nguồn gốc của cụ Nguyễn P tạo lập (theo văn bản dịch thuật tờ xin bằng lập ngày 01-8-1924 năm Khải Định thứ 8), có giới cận: Đông cận đất Nguyễn M1; Tây cận bốn tộc Phan Thâm; Nam cận vườn Nguyễn M1; Bắc cận đất Nguyễn M1. Hiện nay giới cận thửa đất vẫn còn nguyên diện tích, nhưng xác định giới cận có thay đổi người sử dụng đất. Cụ thể: Phía Đông con ông Nguyễn M1 sử dụng đến khoảng năm 1980 đưa vào Hợp tác xã nông nghiệp Xã N, nên hiện nay phía Đông giáp đất nông nghiệp; Phía Tây hiện nay giáp đất ông Phạm Duy Ng; Phía Bắc và phía Nam giáp đất ông Nguyễn M1 hiện nay cháu ông Nguyễn M1 đang ở.

Quá trình phát sinh tranh chấp: Tộc họ Nguyễn phát sinh tranh chấp với bà Nguyễn Thị T từ năm 1994, đến ngày 04-01-1996 UBND xã N tổ chức hòa

giải và có nhiều biên bản làm việc. Vào ngày 29-9-1994, bà Phạm Thị C3 có viết giấy xin tộc họ Nguyễn 01 (một) sào đất để bán lấy tiền chữa bệnh, còn lại khi bà chết thì giao lại phần đất còn lại cho tộc họ Nguyễn. Tộc họ Nguyễn họp và thống nhất cho bà Phạm Thị C3 bán 01 sào đất, nhưng bà C3 chưa bán thì đã chết (năm 1994). Sau khi bà C3 chết, lúc này bà Nguyễn Thị T đã có chồng từ xã H5, huyện N2, tỉnh Quảng Ngãi về xin tộc họ Nguyễn canh tác trồng mì và chuyển về sinh sống tại nhà bà Phạm Thị C3 thì được họ tộc đồng ý. Năm 1996 bà T tự ý xây dựng nhà kiên cố trên nền nhà cũ của tộc họ Nguyễn nên tộc họ Nguyễn có nhiều đơn khiếu nại tranh chấp đất đai với bà T gửi đến UBND xã N và UBND huyện T1 yêu cầu giải quyết. Ngày 16-12-1997 UBND huyện T1 ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 536/QĐ-UBND bác đơn khiếu nại của tộc họ Nguyễn; công nhận cho bà T quản lý, sử dụng toàn bộ thửa đất số 109, diện tích 1.800m². Tộc họ Nguyễn không đồng ý với quyết định giải quyết trên nên đã gửi đơn đến UBND tỉnh Quảng Ngãi. Ngày 14-5-2007 Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi có văn bản số 1388/UBND-NC chỉ đạo UBND huyện T1 ban hành Quyết định hủy bỏ Quyết định số 536/QĐ-UBND và thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Nguyễn Thị T. Trên cơ sở công văn của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi, ngày 13-6-2017 Chủ tịch UBND huyện T1 ban hành Quyết định số 3008/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị C1 là có căn cứ và đúng pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2018/HC-ST ngày 31-7-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; Điều 158; Điều 193; Điều 204; Điều 206 và khoản 1 Điều 348 Luật tổ tụng hành chính; Điều Điều 106 Luật đất đai năm 2013; Điều 52 Luật đất đai năm 2003; Điều 25 Nghị định 88/2009/NĐ-CP ngày 19-10-2009 của Chính phủ về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Điều 13, Điều 22, Điều 23 Pháp lệnh khiếu nại tố cáo của công dân số 53/LTC/HĐNN8 ngày 07-5-1991 của Hội đồng Nhà nước; Điều 45 Luật khiếu nại năm 1998; Điều 27, Điều 29, Điều 30 và Điều 31 Luật khiếu nại năm 2011; Điều 5, Điều 7, Điều 10 và Điều 22 Thông tư số 07/2013/TKTTCP ngày 31-10-2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Khoản 4 Điều 87 Nghị định 43/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Khoản 1, 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

- Hủy Quyết định số 3008/QĐ-UBND ngày 16-6-2017 của Chủ tịch UBND huyện T1 về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị C1 ở Thôn Đ, xã N, huyện T1.

- Hủy Quyết định số 875/QĐ-UBND ngày 23-5-2013 của UBND huyện Tư

Nghĩa về việc thu hồi và hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Nguyễn Thị T ở Thôn Đ, xã N, huyện T1.

- Hủy Quyết định số 874/QĐ-UBND ngày 23-5-2013 của Chủ tịch UBND huyện T1 về việc hủy bỏ Quyết định số 536/QĐ-UBND ngày 16-12-1997 về việc giải quyết khiếu nại tranh chấp đất giữa bà Nguyễn Thị T với tộc họ Nguyễn ở Thôn Đ, xã N, huyện T1.

Đề nghị Chủ tịch UBND huyện T1, tỉnh Quảng Ngãi phải ban hành Quyết định hành chính mới thay thế Quyết định hành chính trái pháp luật đã bị hủy.

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T yêu cầu hủy Công văn 1388/UBND-NC ngày 14-5-2007 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc xử lý nội dung liên quan đến khiếu nại của tộc họ Nguyễn, ở Thôn Đ, xã N.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 14-8-2018 và ngày 12-9-2018, ông Nguyễn L1 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, ông L1 có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên đơn kháng cáo, yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xử hủy bản án Hành chính số 11/2018/HC-ST ngày 31 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, giao hồ sơ về cấp sơ thẩm xét xử lại.

Người khởi kiện, bà Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày ở cấp sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn L1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa có ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, trình tự thủ tục phiên tòa đã được Hội đồng xét xử tuân thủ theo đúng quy định. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng và ý kiến Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, người kháng cáo ông Nguyễn L1, người bị kiện và một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Xét thấy đây là phiên tòa phúc thẩm được mở lần thứ hai, căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa là đúng quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguồn gốc tài sản tranh chấp:

Thửa đất số 109, diện tích 1.800m², tờ bản đồ số 6 (bản đồ năm 1993) xã N do ông bà Nguyễn Th1, Bùi Thị Ph1 tạo lập.

Vào ngày mùng 1 tháng 8 năm Khải Định thứ 8 (năm 1923) bốn anh em con ông Th1 bà Ph1 gồm ông Nguyễn C2, Nguyễn M1, Nguyễn Ch và Nguyễn B thống nhất ký văn tự để lại toàn bộ tài sản gồm ngôi nhà thờ ba gian và một số di sản thờ cúng trong thửa vườn cho ông Nguyễn C2 là đích tôn giữ gìn để thờ phụng ông bà.

Sau khi ông C2 chết để lại cho con trai là ông Nguyễn T4, sau khi ông T4 chết để lại cho ông Nguyễn T4 (con) và vợ là Phạm Thị C3 tiếp tục quản lý, sử dụng. Vợ chồng ông T4 (con), bà C3 không có con trai, chỉ có hai người con gái là bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị C1. Năm 1970, ông T4 (con) chết, bà C3 và chị em bà T, bà C1 sống cùng bà C3 trên mảnh vườn này, hiện nay ngôi nhà thờ và đồ thờ cúng theo văn tự để lại không còn tồn tại.

Ngày 08-12-1987, bà Phạm Thị C3 đứng tên kê khai đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg ngày 10-11-1980 của Thủ tướng Chính phủ, tại sổ mục kê ruộng đất quyền số 01, trang 41, dòng thứ 22.

[2.2] Quá trình giải quyết tranh chấp:

Năm 1994 giữa gia đình bà C3 và tộc Nguyễn phát sinh tranh chấp, tộc Nguyễn cho rằng ông T4 đã chết không có con trai, bà T và bà C1 là con gái nên phải giao lại thửa vườn cho tộc xây dựng lại nhà thờ tộc để thờ tự ông bà.

Ngày 29-9-1994, bà Phạm Thị C3 có viết giấy với nội dung là xin tộc Nguyễn 01 sào đất bán lấy tiền chữa bệnh, sau khi chết sẽ giao lại toàn bộ thửa vườn cho tộc, nhưng bà C3 chưa kịp bán thì đã qua đời trong năm 1995. Do bà

T, bà C1 không thực hiện việc trả lại đất như di nguyện bà C3 mà tự ý làm nhà mới cho riêng mình nên tộc Nguyễn tiếp tục khiếu nại.

Ngày 04-01-1996 và ngày 04-6-1996 Ủy ban nhân dân xã N đã tổ chức hòa giải và hai bên thống nhất *“Phần diện tích 1 sào đất tộc Nguyễn đã thống nhất cho bà C3 vào năm 1994, nay bà T được thừa kế để xây dựng nhà thờ cha, mẹ bà; Phần diện tích 2 sào đất còn lại vẫn cho bà T tiếp tục sử dụng để đóng góp tiền lo hương khói và giỗ chạp ông bà tộc họ Nguyễn, đồng thời trên diện tích này bà T phải có trách nhiệm xây một nhà thờ tộc họ với diện tích là 30m² thời gian tiến hành xây vào tháng 8 năm 1996 (âm lịch)”*. Nhưng sau đó bà T và bà C1 không thực hiện nên tộc Nguyễn tiếp tục khiếu nại, UBND xã N, huyện T1 tổ chức hòa giải nhiều lần nhưng không thành nên chuyển toàn bộ hồ sơ tranh chấp đến UBND huyện T1 giải quyết.

Ngày 16-12-1997, UBND huyện T1 ban hành Quyết định số 536/ QĐ-UB có nội dung: *“Không thừa nhận việc đòi, phân chia QSDĐ của tộc họ Nguyễn trên diện tích đất vườn của bà Nguyễn Thị T đang quản lý sử dụng thuộc sổ thừa 109/1800, tờ bản đồ số 6/6 xã N. Công nhận QSD đất vườn ở sổ hiệu 109/1800 bà Nguyễn Thị T đang quản lý, sử dụng làm nhà ở để thờ cúng ông bà, cha mẹ là hợp pháp”*. Không đồng ý với quyết định nêu trên, tộc Nguyễn tiếp tục khiếu nại lên UBND tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 04-12-2000 UBND huyện T1 cấp Giấy chứng nhận QSDĐ vào sổ 02718/QSDĐ/479-H cho bà Nguyễn Thị T với diện tích 1.800m² có sổ thừa 109, tờ bản đồ số 6 tại Thôn Đ, xã N, huyện T1.

Ngày 10-5-2005 tộc Nguyễn tiếp tục khiếu nại lên UBND tỉnh Quảng Ngãi, vì đất đang tranh chấp mà UBND huyện T1 cấp giấy CNQSDĐ cho bà T.

Ngày 14 tháng 5 năm 2007, UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Công văn 1388/UBND-NC chỉ đạo UBND huyện T1 thực hiện 03 nội dung:

- Thu hồi giấy chứng nhận QSD đất số 02718/QSDĐ/479-H ngày 04-12-2000 mà UBND huyện T1 đã cấp cho bà Nguyễn Thị T;

- Ban hành văn bản hủy Quyết định số 536/QĐ-UBND ngày 16-12-1997 của UBND huyện T1 về việc giải quyết khiếu nại tranh chấp đất giữa bà Nguyễn Thị T với tộc họ Nguyễn vì giải quyết chưa đúng pháp luật;

Quyết định công nhận cho tộc họ Nguyễn (do ông Nguyễn L1 đại diện) được sử dụng 300m² đất thuộc thửa đất số 109, tờ bản đồ số 6 lập năm 1993, xã N; phần diện tích đất còn lại của thửa 109 công nhận cho bà Nguyễn Thị T sử dụng. Nhưng, trước khi ra quyết định công nhận quyền sử dụng đất cho tộc họ

Nguyễn và bà Nguyễn Thị T thì UBND huyện T1 phải tiến hành đo đạc hiện trạng của thửa đất hiện nay và xử lý theo hướng: Công nhận cho tộc họ Nguyễn 300m² đất có vị trí ở phía Tây nhà của bà T; trường hợp vị trí đất này vướng vào các công trình xây dựng của bà T thì công nhận 300m² đất có vị trí ở phía Đông của nhà bà T cho tộc họ Nguyễn. Tộc họ Nguyễn phải có trách nhiệm bồi thường hoa màu, cây lâu năm cho bà Nguyễn Thị T (nếu có).

Ngày 23-5-2013 Chủ tịch UBND huyện T1 ban hành Quyết định số 874/QĐ-UBND hủy bỏ Quyết định số 536/QĐ-UBND ngày 16-12-1997 về việc giải quyết khiếu nại giữa tộc Nguyễn với bà T.

Ngày 23-5-2013 UBND huyện T1 ban hành quyết định số 875/QĐ-UBND thu hồi và hủy bỏ Giấy CNQSDĐ số 02718/QSDĐ/479-H đã cấp cho bà T.

Ngày 03-6-2013 bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị C1 khiếu nại yêu cầu hủy các quyết định trên.

Ngày 13-6-2018 Chủ tịch UBND huyện T1 ban hành Quyết định số 3008/QĐ-UBND bác yêu cầu khiếu nại của bà T.

Ngày 10-9-2017 bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 3008/QĐ-UBND của UBND huyện T1.

[2.3] Xét kháng cáo của ông Nguyễn L1, đại diện tộc Nguyễn yêu cầu hủy án sơ thẩm, HĐXX thấy rằng: Quá trình thụ lý giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm đúng với trình tự thủ tục của Luật tổ tụng hành chính nên không có căn cứ để hủy bản án sơ thẩm. Việc Tòa án cấp sơ thẩm hủy các quyết định hành chính của Ủy ban nhân dân huyện T1 không phải là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của Tộc Nguyễn Thôn Đ, xã N, huyện T1 mà do trình tự, thủ tục ban hành các quyết định hành chính của Ủy ban nhân dân huyện T1 khi giải quyết khiếu nại của tộc Nguyễn đối với quyền sử dụng đất đang tranh chấp với bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị C1 là không đúng với trình tự, thủ tục quy định tại Luật khiếu nại và các văn bản hướng dẫn thi hành. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm hủy các quyết định hành chính và quyết định giải quyết khiếu nại của Ủy ban nhân dân huyện T1 để Ủy ban nhân dân huyện T1 ban hành lại các quyết định khác theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật để giải quyết khiếu nại của tộc Nguyễn đang tranh chấp quyền sử dụng đất với bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị C1.

Ông Nguyễn L1 đại diện cho tộc Nguyễn kháng cáo nhưng không chứng minh được các quyết định của Ủy ban nhân dân huyện T1 ban hành là đúng trình

tự, thủ tục quy định của pháp luật, nên không có cơ sở sửa bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Việ̣m sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Người kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193 và khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính 2015.

1. Bác kháng cáo của ông Nguyễn L1, đại diện tộc Nguyễn, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; Điều 158; Điều 193; Điều 204; Điều 206 và khoản 1 Điều 348 Luật tổ tụng hành chính; Điều Điều 106 Luật đất đai năm 2013; Điều 52 Luật đất đai năm 2003; Điều 25 Nghị định 88/2009/NĐ-CP ngày 19-10-2009 của Chính phủ về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Điều 13, Điều 22, Điều 23 Pháp lệnh khiếu nại tố cáo của công dân số 53/LTC/HĐNN8 ngày 07-5-1991 của Hội đồng Nhà nước; Điều 45 Luật khiếu nại năm 1998; Điều 27, Điều 29, Điều 30 và Điều 31 Luật khiếu nại năm 2011; Điều 5, Điều 7, Điều 10 và Điều 22 Thông tư số 07/2013/TKTTCP ngày 31-10-2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Khoản 4 Điều 87 Nghị định 43/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Khoản 1, 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

- Hủy Quyết định số 3008/QĐ-UBND ngày 16-6-2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T1 về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị C1 ở Thôn Đ, xã N, huyện T1.

- Hủy Quyết định số 875/QĐ-UBND ngày 23-5-2013 của UBND huyện T1 về việc thu hồi và hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Nguyễn Thị T ở Thôn Đ, xã N, huyện T1.

- Hủy Quyết định số 874/QĐ-UBND ngày 23-5-2013 của Chủ tịch UBND huyện T1 về việc hủy bỏ Quyết định số 536/QĐ-UBND ngày 16-12-1997 về

việc giải quyết khiếu nại tranh chấp đất giữa bà Nguyễn Thị T với tộc họ Nguyễn ở Thôn Đ, xã N, huyện T1.

Đề nghị Chủ tịch UBND huyện T1, tỉnh Quảng Ngãi phải ban hành Quyết định hành chính mới thay thế Quyết định hành chính trái pháp luật đã bị hủy.

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T yêu cầu hủy Công văn 1388/UBND-NC ngày 14-5-2007 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc xử lý nội dung liên quan đến khiếu nại của tộc họ Nguyễn, ở Thôn Đ, xã N.

2. Về án phí: Ông Nguyễn L1 phải chịu 300.000đ tiền án phí hành chính phúc thẩm. Ông L1 đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 4207 ngày 21-9-2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi (ông L1 đã nộp đủ án phí).

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (23-01-2019)./.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; P.HCTP; LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Trường